UBND TỈNH ĐẮK LẮK
BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐTXD KHU VỰC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Đắk Lắk, ngày tháng 9 năm 2026

BẢNG TỔNG HỢP DỰ THẢO

Kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện dự án: Tuyến đường bộ ven biển tỉnh Phú Yên đoạn kết nối huyện Tuy An -TP Tuy Hòa (giai đoạn 1).
Địa điểm: Thôn Phú Quý, xã Tuy An Nam, tỉnh Đắk Lắk (Đợt „„).

STT	Họ tên (Chủ tài sản)	Địa chỉ (Thôn)	Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ	Trong đó												Số tiền được nhận
				Bồi thường đất	Bồi thường cây trồng	Bồi thường công trình, vật, kiến trúc	Hỗ trợ Bồi thường chi phí di chuyển nhà	Hỗ trợ ổn định đời sống	Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm	Bồi thường và hỗ trợ chi phí di dời mồ mã	Hỗ trợ chi phí thuê nhà	Tiền sử dụng đất ở TDC phải nộp	Số tiền thu lại để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định, (Tiền sử dụng đất ở TDC)	Số tiền sử dụng đất tái định cư còn lại phải nộp (hộ gia đình/cá nhân tự nộp)	Hỗ trợ chênh lệch suất TDC tối thiểu	
1	Lê Trọng Toàn	Phú Quý	**84.485.097**	2.344.500	1.803.200	75.000.397	0	648.000	4.689.000	0	0	0	0	0	0	**84.485.097**
2	Đào Minh Tân	Phú Quý	**1.280.306.386**	367.095.960	90.409.243	691.477.843	0	11.340.000	104.088.340	15.895.000	0	0	0	0	0	**1.280.306.386**
3	Dương Kiệu	Phú Quý	**477.684.921**	33.562.980	15.691.558	418.909.983	0	648.000	8.872.400	0	0	0	0	0	0	**477.684.921**
4	Phan Thu	Phú Quý	**920.985.101**	132.378.840	49.369.676	595.787.585	12.000.000	1.620.000	42.599.000	5.350.000	12.000.000	640.000.000	157.000.000	483.000.000	69.880.000	**763.985.101**
5	Đỗ Văn Thư (c), Võ Thị Quãng	Phú Quý	**781.105.662**	118.362.500	8.011.000	565.132.162	14.000.000	0	0	0	3.600.000	640.000.000	157.000.000	483.000.000	72.000.000	**624.105.662**
6	Đỗ Hoài Ân	Phú Quý	**999.077.943**	-	0	983.477.943	12.000.000	0	0	0	3.600.000	600.000.000	0	600.000.000	0	**999.077.943**
7	Nguyễn Thị Thanh Quệ	Phú Quý	**500.727.549**	79.598.640	19.841.200	242.579.109	10.000.000	6.480.000	26.428.600	0	7.200.000	640.000.000	157.000.000	483.000.000	108.600.000	**343.727.549**
8	Nguyễn Thanh Vàng	Phú Quý	**376.495.604**	-	515.000	360.380.604	12.000.000	0	0	0	3.600.000	688.500.000	0	688.500.000	0	**376.495.604**
9	Hồ Thị Thanh Lòng	Phú Quý	**811.957.154**	162.805.500	3.052.000	646.099.654	0	0	0	0	0	0	0	0	0	**811.957.154**
10	Huỳnh Như Sơn	Phú Quý	**489.351.312**	-	6.850.000	466.901.312	12.000.000	0	0	0	3.600.000	600.000.000	0	600.000.000	0	**489.351.312**
11	Phan Thị Thanh Thúy	Phú Quý	**6.513.100**	2.250.000	350.000	3.913.100	0	0	0	0	0	0	0	0	0	**6.513.100**
	TỔNG CỘNG:		**6.728.689.829**	**898.398.920**	**195.892.877**	**5.049.659.692**	**72.000.000**	**20.736.000**	**186.677.340**	**21.245.000**	**33.600.000**	**3.808.500.000**	**471.000.000**	**3.337.500.000**	**250.480.000**	**6.257.689.829**
		Bằng chữ:	***Sáu tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu sáu trăm tám mươi chín nghìn tám trăm hai mươi chín đồng chẵn***													